

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2020/DS-ST  
Ngày: 25-12-2020  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản  
giữa ông H và anh D

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* bà Lâm Thúy Liễu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Mai Trần Phúc

Ông Hoàng Đình Ngân

***- Thư ký phiên tòa:*** bà Đàm Nguyên Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại D Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** bà Nguyễn Ngọc Nhiên – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2020/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** ông Lê Văn H, sinh năm 1965

Địa chỉ: tổ 04, ấp Tân Đ 2, xã Tân L, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh.

***- Bị đơn:*** anh Phạm Tuấn D, sinh năm 1990

Địa chỉ: tổ 04, ấp An L, xã An C, huyện Châu Th, tỉnh Tây Ninh.

Ông H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/8/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Văn H trình bày:*

Ông và vợ chồng anh Phạm Tuấn D, chị Huỳnh Thu Tr có quan hệ trong việc làm ăn. Ngày 22/6/2018 anh D và chị Trang có đến nhà ông vay số tiền 10.000.000 đồng, mục đích vay để thu mua cây cao su về cạo mù, vì tin tưởng nên ông cho vợ chồng vay để đầu tư làm ăn. Sau đó ngày 20/7/2018 anh D đến nhà ông vay thêm số tiền 1.000.000 đồng để đi trị bệnh. Cả 02 lần vay nợ chỉ có một mình anh D viết và ký vào giấy nợ, chị Trang không ký tên. Anh D hứa vay tiền 10 ngày sẽ trả nhưng đến hẹn anh D không trả nợ mà hẹn lại nhiều lần cho đến nay.

Trong đơn khởi kiện ông yêu cầu hai vợ chồng anh D và chị Trang cùng trả nợ. Nay ông chỉ yêu cầu anh D trả cho ông số tiền 11.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất, không yêu cầu chị Trang cùng trả nợ.

*Anh Phạm Tuấn D không đến Tòa án, không có ý kiến trình bày.*

*Ý kiến của Viện kiểm sát:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Đương sự là nguyên đơn, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung: áp dụng Điều 463, 466, 469 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh D trả cho ông H số tiền nợ gốc 11.000.000 đồng. Ghi nhận ông H không yêu cầu tính lãi suất và không yêu cầu chị Tr liên đới cùng trả nợ. Anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại D Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H, lời khai của đương sự và chứng cứ trong vụ án xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh D cư trú tại ấp An L, xã An C, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: anh Phạm Tuấn D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng anh không đến Tòa án. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh D. Riêng ông H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

Về nội dung vụ án:

[3] Ông H cung cấp 01 giấy nợ ngày 22/6/2018 với nội dung anh Phạm Tấn D có mượn của chú thiêm H số tiền 10.000.000 đồng và ngày 20/7/2018 anh D mượn thêm 1.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận miệng hứa 10 ngày sẽ trả tiền. Ông H xác định chữ viết trong giấy nợ là của anh D. Quá trình Tòa án xác minh địa phương xác định anh Phạm Tấn D họ tên chính xác là Phạm Tuấn D, có vợ là chị Huỳnh Thu Tr. Anh D không có đăng ký hộ khẩu ở ấp An L, xã An C, huyện Châu Th, tỉnh Tây Ninh còn chị Tr có hộ khẩu ở địa phương. Hiện anh chị đang chung sống với nhau tại ấp An L, xã An C, huyện Châu Th, tỉnh Tây Ninh. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập làm việc; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng anh D và chị Trang cố tình không đến Tòa án, không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông H. Như vậy, xem như anh D không phản đối ý kiến của ông H cùng những chứng cứ ông H cung cấp. Ông H không có nghĩa vụ chứng minh những tình tiết sự kiện đã đưa ra theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự anh D có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nếu không thực hiện thì Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ. Như vậy, có đủ cơ sở xác định việc vay số tiền 11.000.000 đồng giữa ông H và anh D là có thật. Đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi. Anh D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đúng hạn theo thỏa thuận của các bên nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H đối với số

tiền gốc 11.000.000 đồng. Ghi nhận ông H không yêu cầu tính lãi và không yêu cầu chị Trang cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ.

[4] Bà Trần Thị Ga - vợ ông H trình bày việc cho vay tiền là giữa ông H và vợ chồng anh Diên không liên quan đến bà. Bà từ chối tham gia vụ kiện nên Tòa án không đưa bà tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Phạm Tuấn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án là 5%. Ông H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 91, 92, 227, 228, Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng vay tài sản của ông Lê Văn H đối với anh Phạm Tuấn D.

Buộc anh Phạm Tuấn D có trách nhiệm trả cho ông Lê Văn H số tiền gốc tổng cộng là 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng).

Ghi nhận ông H không yêu cầu tính lãi và không yêu cầu chị Huỳnh Thu Trang cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: anh Phạm Tuấn D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 550.000 đồng.

Ông Lê Văn H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007376 ngày 11/8/2020 của cơ quan thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- VKSND h Châu Thành;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lâm Thúy Liễu**